

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 76 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 5 năm 2018

“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha;

Ông Hà Trọng Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Linh – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2018/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc yêu cầu “xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã L, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Cao Thị C**, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Kinh C, khóm 5, phường 9, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018 và lời trình bày của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Q trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Ông và bà Cao Thị C chung sống với nhau năm 1980, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2006, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về tài chính, thường xuyên cãi vã nhau nên ông bà đã ly thân khoảng 10 năm nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông xác định có 04 người con tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; Nguyễn Bích T, sinh năm 1983; Nguyễn Bích N, sinh năm 1985 và Nguyễn Bích N, sinh năm 1990, hiện các con đã trưởng thành nên khi ly hôn, không đặt ra yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác định tự vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại.

Tại bản tự khai và lời trình bày của bị đơn bà Cao Thị C trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn đúng như ông Q trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có nhiều mâu thuẫn và ông bà đã ly thân hơn 04 năm nay. Hiện Q xin ly hôn bà không đồng ý.

Về con chung: Bà xác định có 04 người con tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; Nguyễn Bích T, sinh năm 1983; Nguyễn Bích N, sinh năm 1985 và Nguyễn Bích N, sinh năm 1990, hiện các con đã trưởng thành nên khi ly hôn, bà không đặt ra yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại.

Các đương sự không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Q đối với bà Cao Thị C thuộc lĩnh vực về hôn nhân và gia đình; bà C là bị đơn có nơi địa chỉ cư trú tại thành phố M, tỉnh Cà Mau, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc xin ly hôn được quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về hôn nhân: Ông Q và bà C xác lập mối quan hệ vợ chồng trên tinh thần tự nguyện từ năm 1980. Mặc dù, ông Q và bà C không đăng ký kết hôn theo luật định, nhưng mối quan hệ hôn nhân của ông, bà đã xác lập từ năm 1980, theo quy định trường hợp này xem là quan hệ vợ chồng xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày luật hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định về hôn nhân của luật hôn nhân gia đình. Nên mối quan hệ hôn nhân này được xem là hôn nhân thực tế và được pháp luật công nhận.

Tại tòa, ông Nguyễn Văn Q yêu cầu ly hôn, do trong quá trình chung sống ông, bà có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc, ông bà đã ly thân 10 năm nay. Bản thân bà C cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm kéo dài, mặc dù bà không đồng ý ly hôn nhưng thực tế hiện nay vợ chồng ông, bà mỗi người ở một nơi không ai quan tâm, chăm sóc ai. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng ông, bà đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung nếu tiếp tục kéo dài cũng không hạnh phúc. Cho nên, yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Q được chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Q và bà C xác định có 04 người con tên: Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; Nguyễn Bích T, sinh năm 1983; Nguyễn Bích N, sinh năm 1985 và Nguyễn Bích N, sinh năm 1990, hiện các con đã trưởng thành nên khi ly hôn ông, bà không đặt ra yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Q, bà C xác định tự thỏa thuận.

[5] Về nợ chung: Ông, bà xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ, chồng.

[6] Đối với bà Cao Thị C, mặc dù bà đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà C vắng mặt không có lý do. Cho nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C thực hiện theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình;
 - Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
 - Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Q về việc xin ly hôn với bà Cao Thị C.

Về con chung: Có 04 người con là Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; Nguyễn Bích T, sinh năm 1983; Nguyễn Bích N, sinh năm 1985 và Nguyễn Bích N, sinh năm 1990, hiện các con đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu về con.

Về tài sản chung: Ông Q, bà C xác định tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ông, bà xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ, chồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: ông Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng. Ngày 13/3/2018 ông Q đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000465 được chuyển thu án phí.

Ông Q, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Tòa án Tp Cà Mau

Phạm Kim Cương